

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2020/DS-PT

Ngày 10-12-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp hội, mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị An Tiên;

2. Bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, góp hội, mua bán”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 269/2020/QĐPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1957; địa chỉ: xã L , huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Chung Thu H , sinh năm 1978; địa chỉ: xã L , huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1948; địa chỉ: xã L , huyện D, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

Người kháng cáo: bị đơn chị Chung Thu H .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo, tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Phạm Thị A trình bày: Bà yêu cầu chị H trả khoản tiền sau:

+ Tiền vay: Ngày 15-8-2018, chị H vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, bà Thiều vay của bà số tiền 50.000.000 đồng; bà cùng với bà Thiều và chị H thống nhất để chị H trả chung số tiền 200.000.000 đồng. Trong ngày, chị H mua mủ cao su của bà còn nợ số tiền 28.300.000 đồng; ngày 15-9-2019, chị H mượn bà số tiền 40.000.000 đồng để trả nợ hụi trước đây, tổng số tiền nợ 268.300.000 đồng.

+ Tiền hụi: Ngày 30-11-2018, chị H có nhờ bà A góp hụi do chị Tý làm chủ; chị H góp 01 phần hụi 10.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai hụi 2 lần. Chị H đồng ý để bà A bỏ thâm hụi và lĩnh hụi tháng 11/2018. Hụi gồm 26 phần, chị H lĩnh được số tiền hụi 214.400.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi, chị H có góp hụi chết cho bà A được 5 tháng với số tiền 45.000.000 đồng thì ngưng. Bà A nhận số tiền hụi 214.400.000 đồng trừ vào số tiền chị H còn nợ 268.300.000 đồng và chị H viết giấy xác nhận còn nợ bà số tiền 53.900.000 đồng. Hụi đã mãn 1 năm, bà A đã nộp thay tiền hụi cho chị H 21 tháng với số tiền 215.000.000 đồng.

+ Tiền mua bán: Chị H mua thịt heo còn nợ số tiền 4.900.000 đồng

Chị H tự tay viết giấy nợ xác nhận nợ tiền vay, tiền hụi và nợ tiền mua thịt heo. Hiện nay chị H nợ bà số tiền 273.800.000 đồng, bà yêu cầu trả, không yêu cầu trả tiền lãi. Bà A rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Đỗ Thị Thiều.

Bị đơn - chị Chung Thị H quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm trình bày:

Chị có nhờ bà A góp hụi dùm chị 10.000.000 đồng, tháng khai hụi 2 lần do bà Tý làm chủ; do chị không có uy tín tham gia hụi. Mục đích góp hụi để trả nợ cho bà A. Chị đồng ý để bà A bỏ thâm và lĩnh hụi; chị H lĩnh hụi được số tiền 214.400.000 đồng và đồng ý khấu trừ nợ bà A số tiền 268.300.000 đồng, chị còn nợ số tiền 53.900.000 đồng; giấy nợ do chị H viết. Chị có góp hụi chết cho bà A được số tiền 45.000.000 đồng thì ngưng, chị có mua thịt heo của bà A còn nợ số tiền 4.900.000 đồng. Chị không đồng ý trả số tiền góp hụi chết 215.000.000 đồng, vì hụi bà A lĩnh thì bà A phải góp hụi chết. Chị đồng ý trả bà A số tiền vay 224.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 273.800.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều: 430; 440; 463; 466, 468; 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A đối với chị Chung Thu H yêu cầu trả các khoản tiền còn nợ. Buộc chị Chung Thu H có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị A 273.800.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị A khởi kiện bà Đỗ Thị Th.

Bản án còn quyết định án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-9-2020, chị Chung Thu H có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà A; chị đồng ý trả cho bà A số tiền 224.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Tổ tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

+ Nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[1.1] Ngày 15-8-2018, giữa bà A, chị H và bà Thiều đã xác lập giao dịch vay số tiền 200.000.000 đồng, có giấy nhận tiền. Sau đó, bà A và chị H thống nhất, chị H có nghĩa vụ trả nợ số tiền 200.000.000 đồng nên chị H viết giấy tay nhận số tiền nợ 200.000.000 đồng, được các bên thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà A rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Thiều là tự nguyện, cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu đối với bà Thiều là đúng pháp luật.

[1.2] Ngoài ra, chị H mua mủ cao su còn nợ bà A số tiền 28.300.000 đồng, mua thịt heo còn nợ số tiền 4.900.000 đồng, các bên thừa nhận.

[1.3] Ngày 30-11-2018, giữa bà A và chị H thỏa thuận, để bà A góp 1 phần hụi thay cho chị H ; hụi 10.000.000 đồng, tháng khui 2 lần do bà Tý làm chủ; chị H lĩnh hụi tháng 11/2018 với số tiền 214.400.000 đồng và thỏa thuận sẽ góp hụi đến khi mãn, chị H sử dụng số tiền này trả nợ số tiền vay 268.300.000 đồng của bà A và còn nợ số tiền 53.900.000 đồng. Từ khi lĩnh hụi, chị H có góp hụi chết cho bà A được 5 tháng với số tiền 45.000.000 đồng, do không có khả năng nên ngưng, các bên cũng thừa nhận. Như vậy còn 21 tháng, hụi chết, bà A đã góp thay số tiền 215.000.000 đồng cho chị H đến khi mãn hụi. Theo khoản 1 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006: “... thành viên tham gia họ phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ ...”; chị H có nghĩa vụ trả cho bà A.

[1.4] Như vậy chị H còn nợ bà A tổng số tiền 273.800.000 đồng, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ.

[1.5] Chị H kháng cáo cho rằng bà A lĩnh hội thì bà A có nghĩa vụ phải góphui chết, chị không có khả năng góp, chị đồng ý trả số tiền 224.000.000 đồng, kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

[2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị Chung Thu H phải chịu số tiền 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Chung Thu H ;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 430, 463, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A đối với chị Chung Thu H .

Buộc chị Chung Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị A số tiền 273.800.000 đồng (Hai trăm bảy ba triệu tám trăm ngàn đồng)

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị A khởi kiện đối với bà Đỗ Thị Thiều.

3 Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chung Thu H phải chịu số tiền 13.690.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Chung Thu H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0004999 ngày 23-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận chị H đã nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND D;
- Chi cục D;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu

